

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2017/HSST

Ngày: 31/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Quốc Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Quang Khai** - Nghề nghiệp: Giáo viên hưu trí

2. Ông **Võ Thanh Đức** - Nghề nghiệp: Công chức nhà nước

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đào Thị Yến Nhi - Cán bộ Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

TRẦN THANH T (T) - Sinh năm: 1987, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở: Khu phố 5, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ học vấn: 6/12 - Nghề nghiệp: Không.

Tiền sự: Không

Tiền án: 1/ Ngày 10/4/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (Bản án số 18/2006/HSST). Đến ngày 03/8/2007, Trần Thanh T chấp hành xong (Giấy chứng nhận số 201/GCN của Giám thị trại giam Công an tỉnh Bình Thuận).

2/ Ngày 04/3/2008, bị Tòa án nhân dân huyện H xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 16 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 28 tháng tù (Bản án số 09/2008/HSST). Ngày 09/01/2010, Trần Thanh T chấp hành xong.

3/ Ngày 17/01/2011, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 02/2011/HSST). Ngày 05/10/2012, Nguyễn Thanh T chấp hành xong.

4/ Ngày 19/7/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 34/2013/HSST). Đến ngày 18/12/2016, Trần Thanh T chấp hành xong (Giấy chứng nhận số 1007/GCN của Giám thị trại giam Huy Khiêm).

Con ông: Trần Văn T, sinh năm 1964 (chết) và bà: Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1965.

Vợ: Hoàng Thị Hồng A, sinh năm 1991 (không có đăng ký kết hôn); Có 01 con sinh năm 2011.

Bị cáo bị bắt ngày **24/4/2017**. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã L (Có mặt tại phiên tòa)

* **Người bị hại:** V/c ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm: 1957 và bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1956. (Vắng mặt)

Cùng trú: Khu phố 1, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Trú: Khu phố 3, Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

2/ **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Trú: Khu phố 2, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 22/3/2017, Trần Thanh T đi bộ dọc đường Thống Nhất theo hướng từ phường T xuống phường P với mục đích tìm nhà nào sơ hở vào lấy trộm tài sản. Khi đến nhà bà Nguyễn Thị L trên đường Thống Nhất thuộc khu phố 1, phường T, thị xã L, thấy ở tầng lầu bên hông nhà có một ô cửa sổ kích thước 0,5m x 0,39m, không có song cửa, cánh cửa làm bằng kính, nên T đi bộ vào đường hẻm nhà hàng Minh Thơ, trèo theo cây trụ sắt của nhà hàng dựng làm mái che sát tường nhà bà L, đến vị trí cửa sổ, dùng tay giật bung chốt rồi mở cửa chui vào trong nhà. Lúc này bà L cùng chồng là ông Nguyễn Tấn P đang ngủ ở trên tầng lầu nên T theo cầu thang đi xuống tầng trệt và đi vào một phòng ngủ ở cuối nhà. Theo lời khai của T, T tiến hành lục lọi tại 01 tủ nhựa màu xanh trắng, lấy được 3.000.000 trong một cái bóp; lục trong 01 tủ gỗ lấy các tài sản để trong bóp, túi xách và bì thư gồm: 01 vòng đeo tay; 03 sợi dây chuyền (trong đó có một sợi mặt đính đá, một sợi có mặt hình ổ khóa và một sợi không có mặt); 02 đôi bông tai (một đôi đính đá và một đôi trơn); 04 chiếc nhẫn (một chiếc có mặt đá và ba chiếc dạng tròn trơn; 2.500 USD (gồm 24 tờ mệnh giá 100 USD, 04 tờ mệnh giá 20 USD, 02 tờ mệnh giá 10 USD) và khoảng 47.000.000 đồng tiền Việt Nam (gồm khoảng 6.000.000 đồng trong một bì thư; khoảng 1.000.000 đồng mệnh giá 20.000 đồng tiền còn mới; 02 cọc tiền, trong đó

một cọc tiền khoảng 25.000.000 đồng mệnh giá 500.000 đồng và một cọc khoảng 15.000.000 đồng mệnh giá 100.000 đồng); Ngoài ra trong chiếc cặp da để trên ghế, T lấy được 3.000.000 đồng và 08 tờ USD (mệnh giá 02 USD). Sau khi lấy được các tài sản trên, T chui ra theo đường cũ rồi về nhà ngủ. Khoảng 01 tuần sau khi lấy trộm, T mang 800USD nhờ ông Nguyễn Văn Đức đem đến tiệm vàng Kim Khánh thuộc khu phố 1, phường T, do ông Nguyễn Thành Đ làm chủ, bán được khoảng hơn 18.000.000 đồng. 01 tuần sau đó, T tiếp tục nhờ ông Đ đổi 800USD tại một tiệm vàng tại chợ L được số tiền 18.000.000 đồng. Còn 900USD T đã đổi cho một người phụ nữ không rõ nhân thân, lai lịch tại sông xóc đĩa tại T được khoảng 18.000.000 đồng. Đối với số vàng chiếm đoạt được, T đã mang đến bán tại các tiệm vàng tại chợ L được khoảng 30.000.000 đồng. Còn 08 tờ USD mệnh giá 02 USD, T khai đã vứt bỏ. Tổng số tiền, vàng, USD chiếm đoạt được, T đã sử dụng đánh bạc và tiêu xài hết.

Người bị hại, vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tấn P khi thức dậy thấy phòng ngủ bị lục lọi nên kiểm tra, phát hiện tài sản bị mất liền trình báo Công an phường T. Qua điều tra, ngày 24/4/2017 Cơ quan điều tra Công an thị xã L tiến hành bắt khẩn cấp Trần Thanh T, T đã thừa nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Công văn số 60/KL-ĐGTS ngày 31/7/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định giá vàng tại thời điểm ngày 22/3/2017, như sau:

- Vàng nhẫn 98,3% (vàng Y) giá 3.380.000 đồng/chỉ.
- Vàng nữ trang 98% (vàng y) giá 3.370.000 đồng/chỉ.
- Nữ trang 61% (vàng Tây) giá 2.155.000 đồng/chỉ.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2017, Ngân hàng Nông nghiệp thị xã L xác định tỷ giá ngoại tệ USD vào ngày 22/3/2017 là 22.675 VNĐ/USD.

Quá trình điều tra, về phía người bị hại bà Nguyễn Thị L khai tài sản bà để trong phòng ngủ tầng trệt bị mất, gồm:

- Tại chiếc tủ nhựa màu xanh - trắng: trong bóp da màu xám để tiền hàng gồm các loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng; trong bóp da màu nâu có để tiền USD mệnh giá 02 USD, tuy nhiên bà L không nhớ số lượng tiền Việt và tiền USD là bao nhiêu;

- Tại tủ gỗ: Trong bóp da màu nâu hiệu Demon Paris có 01 vòng đeo tay vàng y, trọng lượng 02 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng y dạng xoắn không có mặt, trọng lượng 03 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng y, trọng lượng 01 chỉ (các tài sản này bà Lan khai để trong *hộp nhựa tròn, màu đỏ*); 01 sợi dây chuyền vàng y dạng xoắn mắt xích, trọng lượng 03 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng y, trọng lượng 01 chỉ; 01 sợi dây chuyền bạch kim; 01 vòng đeo tay vàng y, trọng lượng 01 chỉ (tài sản này để trong túi vải màu đỏ); 01 sợi dây chuyền vàng y, dạng xoắn hình mắt xích, trọng lượng 05

chỉ, có mặt đá cẩm thạch hình chữ nhật bọc vàng y trọng lượng 1,2 chỉ; một số nhẫn vàng y trọng lượng 01 chỉ, 02 chỉ (bà Lan không nhớ rõ); 01 đôi bông tai vàng y, mặt đá cẩm thạch dạng móc, trọng lượng 01 chỉ (những tài sản này bà Lan khai bỏ trong cái bóp vải màu đỏ có hoa văn hình vuông); số tiền 2.500 USD; 6.000.000 đồng tiền Việt Nam; 01 xấp tiền mệnh giá 20.000 đồng (khoảng 1.000.000 đồng); 4.000.000 đồng tiền Việt (mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng, 50.000 đồng); khoảng 08 cái bao lì xì bên trong có khoảng 2.000.000 đồng số tiền này bà Lan khai để trong túi giấy màu đỏ-hồng có hình bông hoa); 01 cọc tiền khoảng 25.000.000 đồng mệnh giá 500.000 đồng và 01 cọc tiền khoảng 10.000.000 đồng gồm các mệnh giá 200.000 đồng và 100.000 đồng (để trong giỏ xách màu kem); 01 cọc tiền 13.000.000 đồng mệnh giá 500.000 đồng (để trong hộp tủ nhỏ của tủ gỗ).

- Tại tủ nhựa màu trắng - đỏ bị mất 5.000.000 đồng gồm mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng, 100.000 đồng; 01 đôi bông tai vàng tây có đính hột đá xung quanh, trọng lượng hơn 01 chỉ; 01 chiếc nhẫn vàng tây có đính hột đá tròn xung quanh trên mặt; 01 dây chuyền vàng tây, mặt đá màu đen, xung quanh đính nhiều hột đá màu trắng, trọng lượng hơn 01 chỉ; một sợi dây chuyền vàng tây dạng Xoắn, mặt hình ổ khóa, trọng lượng 01 chỉ;

- Trong cặp da bị mất số tiền 3.000.000 đồng và khoảng 08 tờ USD mệnh giá 02 USD.

Tuy nhiên, vợ chồng bà Nguyễn Thị L không có giấy tờ chứng minh về nguồn gốc, số lượng, đặc điểm số tài sản bị mất.

Vật chứng vụ án: Toàn bộ tài sản trộm cắp được, Trần Thanh T khai đã bán và tiêu xài hết, hiện không thu hồi được.

Đối với 01 túi nhựa nhãn hiệu My Clearbag; 01 túi giấy; 01 túi xách màu nâu có dòng chữ Demon Paris; 01 hộp hình chữ nhật màu đen; 01 túi xách màu đen có dòng chữ Sophia; 01 chiếc hộp nhựa hình tròn màu đỏ có dòng chữ vàng bạc, đá quý; 01 túi xách màu đỏ hiệu Smeisida, thu giữ tại nhà bà L, ông P, hiện Cơ quan điều tra đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thị xã L quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/8/2017.

Về phần dân sự: Người bị hại là vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Tấn P yêu cầu bị cáo Trần Thanh T bồi thường toàn bộ số tài sản bị mất trị giá khoảng **225.000.000** đồng, hiện bị cáo Trần Thanh T chưa bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số: 60/QĐ-VKS ngày 15/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trần Thanh T, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm c, điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử; Tuyên bố: Bị cáo Trần Thanh T, phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Điểm c, điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Phạt: Bị cáo Trần Thanh T, mức án từ 05 đến 06 năm tù.

*** Biện pháp tư pháp:**

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 586 và 589 Bộ luật dân sự. Tuyên: Ghi nhận việc đồng ý bồi thường của bị cáo đối với yêu cầu của người bị hại về số tiền **165.476.800** đồng.

Buộc bị cáo Trần Thanh T phải có nghĩa vụ bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Thị L số tiền **165.476.800** đồng.

- Áp dụng: Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên: Trả lại cho bà Nguyễn Thị L - ông Nguyễn Tấn Phước 01 túi nhựa nhãn hiệu My Clearbag; 01 túi giấy; 01 túi xách màu nâu có dòng chữ Demon Paris; 01 hộp hình chữ nhật màu đen; 01 túi xách màu đen có dòng chữ Sophia; 01 chiếc hộp nhựa hình tròn màu đỏ có dòng chữ vàng bạc, đá quý; 01 túi xách màu đỏ hiệu Smeisida.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, Trần Thanh T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã LaGi truy tố. Xét, lời khai của bị cáo tại tòa, đối chiếu với những tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ và qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ để khẳng định: Đây là vụ án "Trộm cắp tài sản" do bị cáo Trần Thanh T cố ý thực hiện. Để có tiền tiêu xài, nên vào khoảng 02 giờ 00 phút, ngày 22/3/2017, tại nhà ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Thị L thuộc khu phố 1, phường T, thị xã L. Bị cáo Trần Thanh T đã có hành vi đột nhập vào bên trong nhà, lén lút lấy trộm số tài sản bao gồm: Tiền mặt **53.000.000** đồng; Tiền Đôla Mỹ **2.516** USD và một số tài sản bằng kim loại vàng, gồm: **03** sợi dây chuyền (trong đó 01 sợi dây chuyền có mặt có đính đá, 01 sợi dây chuyền có mặt hình ổ khóa và 01 sợi không có mặt); **04** nhẫn (trong đó 03 nhẫn trơn và 01 nhẫn đính đá); **01** lắc tay (vòng đeo tay dạng trơn); **02** đôi bông tai (trong đó 01 đôi trơn và 01 đôi có đính đá) của vợ chồng ông P - bà L. Số tài sản chiếm đoạt được, bị cáo T mang đến các tiệm vàng trên địa bàn thị xã L bán, quy đổi thành tiền Việt Nam đồng, tiêu xài và đánh bạc hết.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với số tài sản bằng kim loại vàng, tuy bị cáo Trần Thanh T không xác định được đã chiếm đoạt tài sản là loại vàng tây hay vàng y. Tuy nhiên, đối chiếu với lời khai của người bị hại bà Nguyễn Thị L về số tài sản bị mất và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ

căn cứ xác định số tài sản bằng kim loại vàng mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại, bao gồm: **01** vòng đeo tay (lắc tay) vàng y trọng lượng 01 chỉ; **03** nhẫn vàng y mỗi chiếc có trọng lượng 01 chỉ và **01** nhẫn vàng tây có đính hột đá tròn trên mặt xung quanh trọng lượng 01 chỉ; **01** đôi bông tai vàng tây có đính hột đá xung quanh trọng lượng 01 chỉ; **01** đôi hoa tai bằng vàng y trọng lượng 01 chỉ; **01** sợi dây chuyền vàng y dạng xoắn không mặt trọng lượng 03 chỉ; **01** dây chuyền vàng y dạng xoắn mắc xích trọng lượng 05 chỉ, có mặt cắm thạch bọc vàng y trọng lượng 1,2 chỉ; **01** sợi dây chuyền vàng tây trọng lượng 01 chỉ, có mặt hình ổ khóa trọng lượng 0,5 chỉ.

Theo Công văn số 60/KL-ĐGTS ngày 31/7/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự phúc đáp Quyết định trưng cầu định giá số 46 ngày 26/4/2017 của cơ quan CSĐT công an thị xã L, xác định giá vàng tại thời điểm ngày 22/3/2017 như sau: Vàng nhẫn 98,5% (vàng y) giá 3.380.000 đồng/chỉ; Vàng nữ trang 98% (vàng y) giá 3.370.000 đồng/chỉ; Nữ trang 61% (vàng tây) giá 2.155.000 đồng/chỉ.

Đồng thời, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thị xã L, tỉnh Bình Thuận cũng xác nhận tỷ giá ngoại tệ ngày 22/3/2017 là 01 USD = 22.675 VNĐ.

Như vậy, tổng số tài sản mà bị cáo Trần Thanh T đã chiếm đoạt của vợ chồng bà L, ông P tương ứng với số tiền là **165.476.800** đồng.

Hành vi trên của bị cáo Trần Thanh T đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xét, bị cáo Trần Thanh T có nhân thân rất xấu, với 04 tiền án về các tội như: “Cố ý gây thương tích”, “Trộm cắp tài sản”, “Trốn khỏi nơi giam”. Hơn nữa, tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2013/HSST ngày 19/7/2013 của Tòa án nhân dân thị xã L đã áp dụng tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” đối với bị cáo và cả 04 bản án trên đều chưa được xóa án tích theo luật định, nay bị cáo tiếp tục phạm tội mới do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” và với tổng giá trị tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt của vợ chồng ông P - bà L được xác định là **165.476.800** đồng, thuộc trường hợp “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng*”. Đây là các tình tiết định khung hình phạt của tội “Trộm cắp tài sản”, được quy định tại các Điểm c, Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Trần Thanh T về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo Trần Thanh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng không chịu chăm chỉ lao động, tu dưỡng đạo đức để trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình - xã hội. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của

người khác là vi phạm pháp luật, bị nghiêm cấm, nhưng với bản tính tham lam, thích hưởng thụ mà lười biếng lao động, với mong muốn có tiền nhanh chóng mà không phải làm việc vất vả, bị cáo đã nghĩ ra cách kiếm tiền bằng việc lợi dụng đêm khuya, người bị hại ngủ say, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản, lén lút cạy ô cửa sổ đột nhập vào bên trong nhà lấy trộm tài sản của vợ chồng ông P - bà L, nhằm mục đích tư lợi cá nhân.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Xét, với nhân thân rất xấu và sau khi chấp xong hình phạt tù trở về địa phương chưa được bao lâu, thế nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, rèn luyện bản thân, sống lương thiện, mà vẫn "chứng nào tật nấy" tiếp tục phạm tội tương tự. Do đó, cần phải xử lý nghiêm, phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh T, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo tình tiết sau: Quá trình điều tra và tại Tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về việc làm sai trái của bản thân; Hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2009) để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, người bị hại là vợ chồng ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo Trần Thanh T bồi thường toàn bộ tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt trị giá khoảng 225.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ đơn xin xét xử vắng mặt của người bị hại, thì nay người bị hại chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền là 165.476.800 đồng.

Qua yêu cầu của người bị hại, bị cáo T đồng ý bồi thường, Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận này giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên ghi nhận sự thỏa thuận. Buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại tổng số tiền là 165.476.800 đồng.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 túi nhựa nhãn hiệu My Clearbag; 01 túi giấy; 01 túi xách màu nâu có dòng chữ Demon Paris; 01 hộp hình chữ nhật màu đen; 01 túi xách màu đen có dòng chữ Sophia; 01 chiếc hộp nhựa hình tròn màu đỏ có dòng chữ vàng bạc, đá quý; 01 túi xách màu đỏ hiệu Smeisida, Cơ quan điều tra thu giữ trong quá trình điều tra vụ án. Xét, đây là những tài sản riêng của người bị hại, không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho vợ chồng ông P và bà L.

Về án phí: Bị cáo Trần Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* **Tuyên bố:** Bị cáo Trần Thanh T, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

* **Áp dụng:** Điểm c, điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009)

* **Xử phạt:** Bị cáo Trần Thanh T **06 (Sáu)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày **24/4/2017**.

* **Áp dụng:** Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC - BTP - BTC.

Tuyên: Buộc bị cáo Trần Thanh T phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại là vợ chồng ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Thị L số tiền **165.476.800** đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn, tám trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại là vợ chồng ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Trần Thanh T chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất 10%/ năm, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

* **Áp dụng:** Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên: Trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Tấn P và bà Nguyễn Thị L, các tài sản gồm: 01 túi nhựa nhãn hiệu My Clearbag; 01 túi giấy; 01 túi xách màu nâu có dòng chữ Demon Paris; 01 hộp hình chữ nhật màu đen; 01 túi xách màu đen có dòng chữ Sophia; 01 chiếc hộp nhựa hình tròn màu đỏ có dòng chữ vàng bạc, đá quý; 01 túi xách màu đỏ hiệu Smeisida.

Hiện đang quản lý tại Chi cục thi hành án thị xã L theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/8/2017 giữa Cơ quan CSĐT và Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

* **Áp dụng:** Điều 98; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.273.840 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng đối với Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Từ Quốc Thái Bình